

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13/6/2024
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Dũng;

Ông Trần Trung Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 114/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Tuyết Đ**, sinh năm: 1983; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An.**

- Bị đơn: Anh **Võ Văn T**, sinh năm: 1987; (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Đinh Thị Tuyết Đ** trình bày:

Chị và anh **Võ Văn T** chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **T, huyện T, tỉnh Long An** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 01/8/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh **T** thường xuyên cờ bạc, không quan tâm vợ. Chị và anh **T** đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ

chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **Võ Văn T** dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Đinh Thị Tuyết Đ** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh **Võ Văn T** dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị **Đ** và anh **T**.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, chị **Đ** yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh **T** nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh **T** có nơi cư trú tại **huyện C** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị **Đ** và anh **T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã xã **T**, huyện **T**, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 01/8/2022 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị **Đ** cho rằng chị và anh **Thủy c** sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh **T** thường xuyên cờ bạc, không quan tâm vợ. Chị và anh **T** đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị **Đ** cương quyết xin ly hôn, còn anh **T** thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc chị **Đ** xin ly hôn với anh. Từ đó cho thấy anh **T** đã không yêu thương, quan tâm và không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Đ**.

[4] Về con chung: Chị **Đ** trình bày không có con chung, anh **T** không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Đ** trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, anh **T** không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **Đ** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Đinh Thị Tuyết Đ.**

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Đinh Thị Tuyết Đ** được ly hôn với anh **Võ Văn T.**

2. Về án phí: Chị **Đinh Thị Tuyết Đ** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị **Đ** đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015048 ngày 07/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị **Đ** đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Đinh Thị Tuyết Đ**, bị đơn anh **Võ Văn T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh